



Kinh tế Việt Nam năm 2009 và các giải pháp để tăng trưởng kinh tế năm 2010

PGS. TS. ĐÀO DUY HUÂN
Trưởng Đại học Tài chính - Marketing

Năm 2009, do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của VN. Năm 2009, thiên tai xảy ra liên tiếp trên nhiều địa bàn của cả nước, nhất là các tỉnh Miền Trung đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống kinh tế của hàng triệu người.

Để giải quyết các khó khăn, thách thức trên, kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khoá XII đã ra Nghị quyết số 32/2009/QH12 điều chỉnh mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2009 là “Tập trung cao độ mọi nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, giữ ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động phòng ngừa lạm phát cao trở lại, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong đó, mục tiêu



hàng đầu là ngăn chặn suy giảm kinh tế”.

1. Kết quả đạt được

Theo báo cáo Tổng cục Thống kê, năm 2009 VN đã đạt được kết quả tích cực về kinh tế sau:

1.1. Ngăn chặn được suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế phù hợp với môi trường bên ngoài và bên trong:

Về tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước, quý I/2009 chỉ đạt 3,14%, là quý có tốc độ tăng thấp nhất trong nhiều năm gần đây; nhưng quý II, quý III và quý IV của năm 2009, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước đã nâng dần lên lần lượt là 4,46%; 6,04% và 6,9%. Tính chung cả năm 2009, tổng sản phẩm trong nước tăng 5,32%, bao gồm: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%; khu vực dịch vụ tăng 6,63%.

Từ kết quả tăng GDP trong nước năm 2009, có thể rút ra nhận xét sau:

- Một là, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu

tăng 5% của kế hoạch. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công lớn.

- Hai là, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước quý I và quý II năm 2009 thấp hơn tốc độ tăng của quý I và quý II năm 2008; nhưng quý III/2009 tăng 6,04%, cao hơn tốc độ tăng 5,98% trong quý III/2008 và quý IV/2009 tăng 6,9%, cao hơn tốc độ tăng 5,89% trong quý IV/2008 cho thấy nền kinh tế nước ta đã vượt qua thời kỳ suy giảm tăng trưởng, chứng tỏ các chính sách, giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế triển khai trong năm vừa qua phù hợp với tình hình thực tế, đã và đang phát huy hiệu quả tích cực.

1.2. Về sản xuất công nghiệp

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết giá trị sản xuất công nghiệp trong tháng này tăng 4,6% so với tháng trước. Trong năm 2009, sản lượng công nghiệp từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 9,9% trong khi tỷ lệ tăng trưởng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 8,1%. Lĩnh vực công nghiệp nhà nước tăng thấp, ở mức 3,7%. Sản lượng than đá và dầu thô, hai mặt hàng trong nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực của VN, cũng tăng trên 9%.

1.3. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, 6 tháng đầu năm 2009 theo giá so sánh 1994 đạt 97,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,76% so với cùng kỳ năm trước, nhưng 6 tháng cuối năm đã đạt 122,8 nghìn tỷ đồng, tăng 3,16% so với 6 tháng cuối năm 2008. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp



và thủy sản năm 2009 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 3% so với năm 2008, bao gồm nông nghiệp tăng 2,2%; lâm nghiệp tăng 3,8%; thủy sản tăng 5,4%. Mặc dù Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ bị bão lũ gây thiệt hại nặng nề, nhưng nhờ có sự nỗ lực đẩy mạnh sản xuất của các vùng, miền cả nước, nên sản lượng lương thực có hạt năm 2009 ước tính đạt 43,3 triệu tấn, tăng 24,4 nghìn tấn so với năm 2008, trong đó sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, tăng 165,7 nghìn tấn; sản lượng ngô đạt 4,4 triệu tấn, giảm 141,3 nghìn tấn.

Trong năm 2009, một số mô hình, dự án được triển khai tích cực và có hiệu quả; nhờ vậy, diện tích chè năm 2009 đạt 128,1 nghìn ha, tăng 2,6 nghìn ha so với năm trước; cà phê 537 nghìn ha, tăng 6,1 nghìn ha; cao su 674,2 nghìn ha, tăng 42,8 nghìn ha; hồ tiêu 50,5 nghìn ha, tăng 0,6 nghìn ha. Sản lượng một số cây lâu năm tăng khá, trong đó chè búp ước tính đạt 798,8 nghìn tấn, tăng 7% so với năm 2008 (diện tích cho sản phẩm tăng 2,7%; năng suất tăng 4,2%) cao su 723,7 nghìn tấn, tăng 9,7% (diện tích cho sản phẩm tăng 5,6%; năng suất tăng 3,8%); hồ tiêu 105,6 nghìn tấn, tăng 7,2% (diện tích cho sản phẩm tăng 4,5%; năng suất tăng 2,6%).

Năm 2009, chăn nuôi tiếp tục phát triển, nhất là chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, do đó sản lượng sản phẩm chăn nuôi vẫn đạt khá, trong đó sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước tính đạt 75 nghìn tấn, tăng 4,8% so với năm 2008; sản lượng thịt bò đạt 257,8 nghìn tấn, tăng 13,7%; sản lượng thịt lợn đạt 2931,4 nghìn tấn, tăng 4,5%; sản lượng thịt gia cầm

đạt 502,8 nghìn tấn, tăng 12,2%; trứng gia cầm đạt 5952,1 triệu quả, tăng 9%. Diện tích rừng trồng tập trung năm 2009 ước tính đạt 212 nghìn ha, tăng 5,9% so với năm 2008.

Diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2009 ước tính đạt 1032 nghìn ha, tăng 5,2% so với năm trước; số cây trồng phân tán đạt 180,4 triệu cây, giảm 1,8%; diện tích rừng được chăm sóc 486 nghìn ha, tăng 4,3%. Sản lượng gỗ khai thác đạt 3766,7 nghìn m³, tăng 5,7%. Những địa phương có sản lượng gỗ khai thác lớn là: Tuyên Quang 218 nghìn m³; Yên Bái 200 nghìn m³; Quảng Ngãi 180 nghìn m³; Quảng Nam 169 nghìn m³; Bình Định 167 nghìn m³; Hoà Bình 135 nghìn m³.

2. Những khó khăn, bất cập của nền kinh tế có thể gặp phải năm 2010

2.1. Nền kinh tế nước ta đang tồn tại sự mất cân đối lớn về cán cân thương mại và thâm hụt lớn về ngân sách, gây nên những tác động không nhỏ. Mất cân đối ngoại thương, nhập siêu luôn ở mức cao sẽ khiến tỷ giá đồng VN (VND) giảm, nhưng trên thực tế vẫn được định ở mức cao. Cũng thực hiện công cuộc đổi mới như VN, nhưng mấy chục năm đổi mới của Trung Quốc là xuất siêu và dự trữ ngoại tệ cực lớn với tỷ giá đồng nhân dân tệ được định ở mức thấp, còn chúng ta thì nhập siêu và dự trữ ngoại tệ không cao. Năm 2009, tính chung VN nhập siêu khoảng 12 tỉ USD, nhưng riêng với Trung Quốc là 15 tỉ USD! Một trong những nguyên nhân là VND được định giá cao khiến hàng nhập khẩu rẻ hơn hàng sản xuất trong nước, dù đã phải chịu thuế. Một khi hàng rào thuế

quan được dỡ bỏ theo lộ trình gia nhập WTO, nhập siêu có nguy cơ ngày càng lớn.

2.2. Thặng dư mậu dịch giữa VN với Trung Quốc đã nổi cộm từ nhiều năm nay nhưng chúng ta đã không có đối sách nào hữu hiệu. Tình hình kinh tế của tỉnh cửa khẩu Lạng Sơn (giáp với Trung Quốc) hiện khá bi quan. Năm, bảy năm trước, nhờ cửa khẩu này mà kinh tế Lạng Sơn phát triển, nhưng khi mua bán song phương giữa hai nước từng bước đi vào chính ngạch, mọi chuyện trở nên khó khăn. Điều đó, chứng tỏ kinh tế Lạng Sơn chỉ phát triển trong một mối quan hệ không bình thường. Khi các doanh nghiệp Trung Quốc không chỉ mua hàng tại Lạng Sơn, mà vươn tay vào từng nhà vườn của VN, thì tình này không còn cần thiết trong vai trò trung chuyển nữa, người dân địa phương không còn là trung gian cho các cuộc giao dịch giữa doanh nghiệp hai nước (vì hai bên không biết nhau) nữa. Thay vì phải nhanh chóng chuyển đổi phương thức kinh doanh, Lạng Sơn lại muốn xin Nhà nước có một chính sách ưu tiên, nhằm trở về với thời kỳ làm ăn bất bình thường ấy.

2.3. Gói kích thích nền kinh tế hỗ trợ lãi suất còn những mặt chưa được. Với khoản tiền 17 ngàn tỉ đồng được giải ngân thông qua hình thức hỗ trợ 4% lãi suất vay ngắn hạn, tức đã có hơn 400 nghìn tỉ đồng tín dụng có ưu đãi lãi suất được cấp cho nền kinh tế. Điều dễ nhận thấy nhất là nợ của Chính phủ đã tăng từ 36,5% GDP năm 2008 lên 40% GDP năm 2009.

Khi gói hỗ trợ lãi suất 4% chính thức không còn nữa (từ cuối năm 2009), nền kinh tế sẽ chịu áp lực như thế nào? Áp lực đó không nhỏ.



Một mặt, nhiều doanh nghiệp khó khăn đang nhận được khoản vay hỗ trợ lãi suất, như con bệnh đang được “chích thuốc”, nay ngưng lại sẽ bị “vỡ thuốc”. Mặt khác, trong số hơn 400 nghìn tỉ đồng đó, chắc chắn một phần không nhỏ rót vào những chỗ không đáng, tức những doanh nghiệp sắp chết hoặc đã chết, khoản vay trở thành nợ xấu, ảnh hưởng đến cả hệ thống kinh tế.

Năm 2009 cả vốn đầu tư trực tiếp lẫn gián tiếp đều giảm, đương nhiên sẽ tác động đến tỷ giá. Thứ đến là thâm hụt ngân sách ngày càng cao, vượt quá 5% GDP, cũng sẽ gây lạm phát. Chính phủ tỏ rõ ý tiếp tục đầu tư cho kinh tế, nhưng chỉ số ICOR lên đến 8 (chỉ số này ở các nước đang phát triển thường ở mức 2,5-3,5) cho thấy đầu tư không hiệu quả. Thời gian tới sẽ thắt chặt tiền tệ, tuy nhiên những khoản nợ liên quan đến bất động sản và chứng khoán mấy năm trước vẫn chưa giải quyết được... tất cả sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế”.

2.4. Nhiều khả năng lạm phát sẽ quay lại. Vấn đề tỷ giá và lạm phát - hai vấn đề lớn của kinh tế vĩ mô, các chuyên viên phân tích sâu những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá thời gian qua, cũng như nhận định về khả năng lạm phát. “Theo lý thuyết kinh tế, lạm phát ở đâu cũng do hiện tượng tiền tệ, điều đó đúng nhưng chưa đủ, vì lạm phát còn chịu tác động lớn bởi các nhân tố bên ngoài”. Nếu mặt bằng giá của thế giới năm 2010 tăng cao, lạm phát có lẽ sẽ đến sớm và ngược lại. Mỗi khi tỷ giá USD/VND tăng 1% thì CPI trong ngắn hạn sẽ tăng 0,1-0,2%, nhưng sau khoảng một năm CPI sẽ tăng khoảng 0,7%. Thứ hai, nếu năm 2008 giá dầu là 38 USD/thùng thì năm 2009 lên 70-80

USD/thùng rồi, và năm 2010 lên 83-90 USD/thùng nghĩa là giá năng lượng và hàng hóa thế giới nói chung đã và sẽ tiếp tục tăng cùng với sự phục hồi của kinh tế thế giới.

Còn với các mặt hàng chúng ta xuất khẩu, như lương thực, thì khi giá thế giới tăng đương nhiên giá tại VN cũng tăng. Nghĩa là dù chúng ta nhập hay xuất thì cũng bị tác động bởi giá thế giới. Tác động thứ ba là tốc độ tăng trưởng tín dụng trên 38% và tính toán của chúng tôi theo cách tính năm nay so với năm trước, là khoảng 48%. Theo đồ thị nói lên tính tương quan này (và luôn đúng trong những năm vừa qua), thì tác động của mức tăng trưởng tín dụng lên chỉ số CPI có độ trễ khoảng 6-8 tháng, tức là nếu mức độ tăng trưởng tín dụng hiện là trên 38% thì 6-8 tháng sau sẽ thể hiện rõ ở mức tăng CPI, đó là chưa kể đến hai hiệu ứng vừa nói (tỷ giá và giá thế giới tăng). Nếu kinh tế thế giới phục hồi nhanh hơn, lạm phát còn đến sớm hơn”.

Việc tỷ giá USD/VND tăng,

giảm ngược với xu hướng chung của thế giới, do các yếu tố nội tại của nền kinh tế như chênh lệch lạm phát của VN và các nước cũng như cân đối cung cầu ngoại tệ trên thị trường ngoại hối trong nước. Chính sách cấp bù lãi suất vay ngắn hạn 4% cho VND, không cấp bù lãi suất đối với tín dụng USD cũng như không cho các nhà xuất khẩu vay ngoại tệ, được các chuyên gia tài chính dự báo sẽ tác động mạnh đến thị trường ngoại hối, do làm cho cung ngoại hối giảm trong khi cầu lại tăng. Thực tế đã diễn ra như vậy. Doanh nghiệp xuất khẩu phải vay bằng VND, vậy thì khi thu USD về, họ có quyền giữ lại, đợi tỷ giá lên, chứ không nhất thiết phải bán ngay cho ngân hàng.

Từ khi có gói kích cầu thì mức nhập siêu của chúng ta tăng mạnh, đặc biệt phần nhập siêu chủ yếu thuộc các doanh nghiệp, tập đoàn nhà nước - đầu tư một số vốn rất lớn bằng USD (nhập khẩu máy móc, thiết bị) vào cơ sở hạ tầng, nhưng doanh thu thì bằng VND. Tỷ giá USD/VND đang chịu sức



DÍ DỎM

☺ Một bài báo trên tạp chí kinh tế cần phải giống như một chiếc váy của người phụ nữ: đủ ngắn để khoe gợi; đủ dài để che những gì được tưởng tượng phía trong.

☺ Tổng thống Truman đã có lần nói rằng ông cần một cố vấn kinh tế chỉ có một tay (one handed). Tại sao? Bởi vì thường các nhà kinh tế khi tư vấn ông thường nói: “On one hand and on the other...”

☺ Đạt tới tự do thương mại giống như lên thiên đường. Mọi người đều muốn vào, nhưng đừng quá sớm.

☺ Giả sử có 1.000 nhà kinh tế học thì sẽ có 10 nhà kinh tế lý thuyết với các học thuyết khác nhau về phương pháp để thay cái bóng đèn và 990 nhà kinh tế học thực chứng thì bàn để quyết định xem lý thuyết nào là đúng, và tất cả sẽ vẫn ở trong bóng tối.



ép mạnh do thâm hụt cán cân thanh toán. Trong số liệu cán cân thanh toán của Ngân hàng Nhà nước, ba quý đầu năm 2009 khoản mục “sai số và thiếu sót” tổng cộng lên tới khoảng 9 tỉ USD. “Sai số” như vậy lớn quá, về mặt thống kê là không chấp nhận được. Nhìn vào đàng sau “sai số” này, có khả năng đó là do doanh nghiệp và người dân đã chuyển danh mục đầu tư sang vàng và USD. Điều nguy hiểm này không do tác động từ bên ngoài mà chính từ gói hỗ trợ 4% lãi suất. Khi một doanh nghiệp có USD nhưng có thể vay được VND với lãi suất thấp và biết rằng 6-12 tháng sau VND còn mất giá nữa thì họ chẳng có lý do gì để bán ra USD, đây là lý do khiến nhu cầu tín dụng VND tăng đột biến. Và như vậy, chính sách bù lãi suất 4% đã có một tác dụng phụ mà ít người đề cập: Nó khiến cung về USD thì thấp mà cầu thì cao. Đáng nói hơn, nó còn làm thay đổi cách hành xử của doanh nghiệp và người dân, đó là chuyển danh mục đầu tư sang vàng và USD, tạo sự mất cân đối lớn trong cán cân thanh toán, và đây chính là sức ép lớn nhất khiến VND giảm giá ở thời điểm này”.

3. Các giải pháp để tăng trưởng kinh tế VN năm 2010

3.1. Về nền kinh tế thế giới, nhận định phổ biến của các học giả là sẽ phục hồi mạnh hơn trong năm 2010. Đầu tàu của sự phục hồi đó vẫn phải là các nền kinh tế lớn. Các chỉ báo sớm như chỉ số phát triển công nghiệp, số lượng giấy phép xây nhà mới, chỉ số thất nghiệp, chỉ số tồn kho... của các nền kinh tế Mỹ, EU, Nhật, Trung Quốc nhìn chung đều diễn biến theo hướng tích cực. Quỹ Tiền tệ thế giới

(IMF) mới đây dự báo rằng, năm 2010, thương mại quốc tế sẽ tăng trưởng 2%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ổn định ở cả nhóm nước đã phát triển (2%) lẫn đang phát triển (4%), và tăng trưởng GDP của thế giới đạt 3% - xấp xỉ với mức tăng trưởng trung bình dài hạn.

3.2. Đối với nước ta, tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội đã xác định mục tiêu tổng quát cho năm 2010 là: Nỗ lực phấn đấu phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2009; tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao chất lượng tăng trưởng; ngăn chặn lạm phát cao trở lại; tăng khả năng bảo đảm an sinh xã hội; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

3.3. Năm 2010, nếu Chính phủ đưa ra những giải pháp hợp lý, các nguồn vốn FDI và ODA tiếp tục đổ vào VN, bên cạnh những nguồn vốn trong nước. Lợi thế này sẽ góp phần tạo ra một sức mạnh tổng thể về vốn nội lực và ngoại lực, thúc đẩy kinh tế VN phát triển. Đồng thời, cộng với tinh thần lạc quan của người Việt thì đặt mục tiêu chỉ số tăng trưởng kinh tế 6,5% vào năm 2010 không phải là điều quá khó.

3.4. Về điều hành lãi suất, VN không nên chạy theo CPI, mà lãi suất đó cần phải được điều hành ổn định theo lạm phát cơ bản để tránh gây cú sốc cho nền kinh tế. Bởi như năm 2008, giá cả tăng

lên phần lớn là do giá dầu tăng và giá lương thực lên cao. Nếu VN căn cứ vào đó để đẩy lãi suất tăng cao, bất ngờ giá dầu thô, lương thực rớt xuống, thì vô tình lại tạo ra những cú sốc cho nền kinh tế. Đây là vấn đề mà VN nên hạn chế và cốt lõi vẫn là ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

3.5. Một trong những giải pháp để tăng trưởng kinh tế là chú trọng nới lỏng gánh nặng cho doanh nghiệp bằng cách giảm thuế, kể cả thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và giá trị gia tăng. Giảm thuế là giải pháp trọng tâm để kích cầu đầu tư cũng như kích cầu tiêu dùng thông qua giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm giá tương xứng đảm bảo tăng tiêu dùng thực tế của người dân.

3.6. Tiếp tục chú trọng khai thác tối đa thị trường nội địa trong năm 2010, vì đây là sân nhà của các doanh nghiệp VN. Do đó, Chính phủ cần tiếp tục sử dụng chính sách tiền tệ và tài khóa để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Mặt khác, để hỗ trợ các hoạt động phát triển thị trường nội địa thì điều quan trọng nhất là nghiên cứu các mặt hàng thay thế hàng nhập khẩu; nghiên cứu các chủng loại hàng có khả năng phát triển mạnh trên thị trường nội địa; khuyến khích xí nghiệp chuyển đổi công suất và chủng loại hàng xuất khẩu để thích ứng với nhu cầu thị trường nội địa; áp dụng những chính sách khuyến khích đầu tư thích hợp.

3.7. VN cần nghiên cứu các giải pháp khả thi để giảm nhập siêu như: nghiên cứu ưu thế tương đối của các mặt hàng xuất khẩu VN. Phát huy các lĩnh vực có ưu thế bằng các



chính sách như: cho vay lãi suất thấp để làm hàng xuất khẩu, có thể chấp bằng hợp đồng xuất khẩu, giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) hoặc thuế nhập khẩu trên nguyên liệu cấu thành sản phẩm, giảm thuế lợi tức doanh nghiệp trên kết quả kinh doanh... Bằng mọi phương thức có thể, giảm chi phí đầu vào. Đối với lĩnh vực nhập khẩu, cần hạn chế đến mức thấp nhất các mặt hàng tiêu dùng xa xỉ hoặc “bán phá giá” để xâm chiếm thị trường nội địa.

3.8. Chủ động nguồn vốn, cần xem lại cách nhìn và chiến lược đối với đầu tư nước ngoài. Thay vì thúc đẩy kêu gọi đầu tư trực tiếp, cần nhanh chóng tổ chức hệ thống các quỹ đầu tư gián tiếp, tại các trung tâm tài chính quốc tế lớn, huy động vốn với số lượng lớn, có thể là 10 đến 20 tỷ USD mỗi năm, để đưa về đầu tư phát triển những dự án tốt mà do VN quản lý.

Theo ước tính của nhiều chuyên gia, trong 10 năm tới VN cần từ 500 tỷ USD và hơn thế nữa để phát triển. Thực tế, trong tổng số vốn đầu tư cho một dự án khoảng 70 - 80% là vốn vay, phần vốn tự có thường chỉ chiếm từ 20 - 30%. Nếu VN tự huy động được 100 tỷ USD vốn tự có, tự xây dựng và phát triển dự án, thì tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ giảm xuống đến một mức tương đối an toàn. Như vậy, VN không nhất thiết phải phát triển theo mô hình kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như hiện nay.

3.9. Ngân hàng Nhà nước, cần tiếp tục theo dõi lưu lượng tín dụng, giám sát hoạt động của hệ thống ngân hàng tư nhân,

không để xảy ra lạm phát, hay thiếu phát. NHNN cần phải có được một cơ chế hoạt động phù hợp để phát huy đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình. Phải giám sát chặt chẽ hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, thực hiện đúng quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay. Khách hàng phải có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật. Tất cả mọi đối tượng doanh nghiệp sẽ được đối xử bình đẳng. Việc cho vay vốn dựa trên các tiêu chí khách quan của từng dự án. Ngắn hạn hay dài hạn tùy theo lịch trình phát triển kinh doanh. Xóa bỏ cơ chế “xin cho” và những tiêu chí phức tạp làm nảy sinh tiêu cực. Làm sao để cho không một dự án nào khả thi mà lại bị thiếu vốn phát triển. Hiện nay, trong nhiều lĩnh vực, nhiều cấp bậc, từ Trung ương đến địa phương, không ít dự án sáng tạo, khả thi, được giám định là có tiềm năng và có thị trường, nhưng không được cung cấp vốn để phát triển. Đây là một sự bất cập, mất mát lớn, lãng phí tư duy sáng tạo của nhân dân.

3.10. Đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp – nông thôn, vì nó là nền móng cho phát triển kinh tế - xã hội VN hậu khủng hoảng. Nhà nước cần tiếp tục tạo điều kiện để 70% dân số là nông dân phát triển SXKD, thông qua giải pháp cho nông thôn có được lợi thế phát triển bằng những chính sách tín dụng, tài chính, hỗ trợ giống tốt, thủy lợi tốt, hạ tầng cơ sở tốt. Hiệu suất lao động ở nông thôn hiện nay

rất là thấp, phải làm tất cả để tăng hiệu quả lao động, nâng cao công suất. Nếu nông thôn phát triển tốt sẽ kích cầu tốt, cả nền kinh tế cùng phát triển theo. Rồi sau đó sẽ dẫn đến thay đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp.

3.11. Tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng mỗi doanh nghiệp phải SXKD hiệu quả hậu suy thoái kinh tế toàn cầu. Để làm điều đó tái cấu trúc doanh nghiệp phải được đặt lên ưu tiên hàng đầu, nhất là các doanh nghiệp nhà nước chưa cổ phần hóa. Mỗi doanh nghiệp đánh giá lại các điểm mạnh-điểm yếu, từ nhân sự đến sản phẩm, thị trường, cạnh tranh. Việc chuyển đổi tái cấu trúc cơ cấu kinh doanh phải dựa trên mục tiêu là nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tóm lại: Để tiếp tục tăng trưởng bền vững sau suy thoái kinh tế toàn cầu, VN cần thiết phải có những chính sách sát thực hơn, chính phủ cần linh hoạt hơn trong việc tăng chế độ tự chủ cho cơ sở, nhất quán hơn, đồng bộ hơn trong việc hoàn thiện môi trường thu hút đầu tư, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp, ngăn chặn nguy cơ tái lạm phát. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009.
2. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
3. Bộ Công Thương, Báo cáo sơ kết hoạt động của ngành năm 2009 đăng trên Website
4. Các nhận định của Bùi kiến Thành; Trương Văn Phước và các tác giả khác đăng trên thời báo kinh tế VN, thời báo Kinh tế Sài Gòn tháng 1 năm 2010
5. Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Báo cáo sơ kết tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 đăng trên Internet.